TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH ĐỒNG THÁP** Bản án số: 51/2023/HS-ST Ngày 26-9-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thiện Bửu;

2. Ông Nguyễn Hoàng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HS, ngày 08 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Q, sinh ngày 28/8/1995 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn J3, xã J1, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Hoàng B1 (chết) và bà Nguyễn B2, sinh năm 1965; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 19/5/2023; tạm giam: Từ ngày 27/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm W, sinh ngày 07/10/1996 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp F3, xã F1, huyện F2, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm S1, sinh năm 1960 và bà Tô Thị S2, sinh năm 1963; gia đình có 03 chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình;

vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 19/5/2023; tạm giam: Từ ngày 27/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Thị E, sinh ngày 27/10/2000 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A3, xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Lê G1, sinh năm 1973 và bà Trần G2, sinh năm 1976; chồng: Trần T Nhân, sinh năm 1992; con: Trần Lê Khả My, sinh năm 2018; tiền sự: Chưa có; tiền án; Chưa có; tạm giữ: Ngày 19/5/2023; tạm giam: Từ ngày 27/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị E là*: Ông Ngô Quang Thế - Luật sư thuộc Trung S trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 2 (có mặt);

Địa chỉ: Số 08 đường Võ Trường Toản, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn R, sinh ngày 01/01/1995 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C1, xã C2, huyện C3, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn N2, sinh năm 1964 và bà Đặng N1, sinh năm 1963; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; chồng: Không rõ; con tên Nguyễn O, sinh năm 2017; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 19/5/2023; tạm giam: Từ ngày 27/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Lê Bùi T, sinh ngày 16/4/1999 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 4, phường B, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Lê M1, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị M2, sinh năm 1977; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; chồng, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 19/5/2023; tạm giam: Từ ngày 27/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị

tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Trần T S, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp F, xã G, huyện F, tỉnh Đồng Tháp.

2. Huỳnh Thị A, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn G, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị Y, sinh ngày 17/01/1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã U, huyện T Bình, tỉnh Đồng Tháp.

4. Trần I, sinh ngày 06/9/1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã An Hiệp, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bùi Sơn L, sinh ngày 05/6/1980 (có mặt);

6. Trần Thị L1, sinh ngày 18/5/1982 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm 3, phường B, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn M, sinh năm 1965 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã D, huện N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người chứng kiến*: Phan Văn Kẹo, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, phường B, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 18/5/2023, Hoàng Q cùng Phạm W, Trần T S đến quán Karaoke Ba Cọp New thuộc khóm 5, phường B để uống bia và hát Karaoke. Khi vào phòng Vip 6, được 03 (ba) tiếp viên nữ của quán đến phục vụ gồm Lê Thị E ngồi cùng Q, Nguyễn R ngồi cùng W và Huỳnh Thị A ngồi cùng S. Khi đang hát thì hệ thống máy hát bị lỗi kỹ thuật nên cả nhóm chuyển sang phòng Vip 1 tiếp tục hát và uống bia đến khoảng 02 giờ ngày 19/5/2023 thì T toán tiền nghỉ.

Khi ngồi chờ T toán tiền, Q hỏi E "Ở đây có bay không em", E trả lời "Ở đây ít chơi lắm", Q mới nói "vậy để dịp khác". Sau đó, W T toán hóa đơn, Q gửi tiền típ (phục vụ) cho E, R, Yến mỗi người 500.000 đồng. Khi chuẩn bị ra về thì E nói với Q "Có đồ, chơi không", Q mới nói với W và S "Đi về, sáng còn làm, mệt rồi". Khi nghe Q kêu về thì W nói "Chơi đi, chơi đi, trước giờ không chơi, chơi cho biết", S không trả lời, E nói lớn "Anh muốn về kìa" với

vẻ khiêu khích nên Q bực tức lấy 1.400.000 đồng đưa E đi mua ma túy. Khi E nhận tiền rồi bước ra khỏi phòng Vip 1 đến gặp Lê Bùi T là quản lý quán để nhờ T mua ma túy hộ. Thời điểm này R cũng ra khỏi phòng Vip 1 đến gặp T nói "có khách muốn bay" (ý nói là khách đòi sử dụng ma túy) nên T đồng ý, kêu qua phòng Vip 3 và điện thoại cho một người T niên tên Đen, không rõ họ tên và địa chỉ mua ma túy với giá 1.400.000 đồng. Khi nghe T kêu qua phòng Vip 3 nên R dẫn cả nhóm qua phòng Vip 3, sau đó R về phòng lấy 01 (một) thẻ nhựa cứng đem xuống phòng Vip 3 mục đích dùng để phân chia ma túy.

Khoảng 05-10 phút sau, E đem ma túy gồm Khay (Ketamine) và Kẹo (MDMA) vào phòng Vip 3. E lấy ma túy đưa W xem rồi đưa lại E, E đưa R, R dùng bật lửa đốt nóng dĩa để sử dụng ma túy loại "Khay" nhưng do đốt quá nóng nên E lấy dĩa tự đốt nóng. Cùng thời điểm đó, R lấy 03 (ba) viên ma túy loại "Kẹo" cắn chia ra làm 06 (sáu) phần, R sử dụng 01 (một) phần rồi đưa cho Q, W, S, E, Yến cùng sử dụng, còn 01 (một) phần W không sử dụng. R lấy ma túy loại "Kẹo" còn lại chưa sử dụng bỏ vào ly thủy tinh, chế nước Coca-cola vào, khuấy đều rồi đưa Q, W, S, E, Yến cùng uống.

Khi sử dụng hết ma túy loại "Kẹo", R hỏi mượn tờ tiền để làm ống hút sử dụng ma túy nên W đưa cho R tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. R cùng E quấn làm ống hút sử dụng ma túy, E lấy dĩa đã đốt nóng, đỗ ma túy loại "Khay" vào và dùng thẻ nhựa cứng chia ma túy ra làm 06 (sáu) phần, E sử dụng và đưa Q, W, S, R, Yến cùng sử dụng. Khoảng 15 phút sau thì lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Thu giữ tại phòng Vip 3: 01 (một) dĩa bằng sành màu trắng- xanh, trên dĩa còn chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma túy); 01 (một) thẻ in hình nhân vật hoạt hình Peppa Pig, Vip số 00448843; 01 (một) quẹt ga màu xanh; 01 (một) tờ Tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng được quấn tròn, 02 đầu được gắn đầu lộc thuốc lá; 01 (một) tờ Tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng.

- Thu giữ của Hoàng Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động; Tiền Việt Nam 17.050.000 đồng.

- Thu giữ của Phạm W: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (mặt sau của điện thoại đã bị bể kính), có ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động; tiền Việt Nam 12.500.000 đồng.

- Thu giữ của Lê Bùi T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Kết luận giám định số: 552/KL-KTHS, ngày 22/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: "Tinh thể rắn chứa trong mảnh giấy màu trắng được gói lại bằng sợi dây thun màu vàng, được niêm phong ký hiệu PS3, mã số 2005283 nêu trên gửi giám định là chất ma túy có khối lượng 0,048 gam loại Ketamine (số thứ tự 40 thuộc Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ)".

Qua điều tra, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R, Hoàng Q, Phạm W đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKSTPHN, ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Q từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm W từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị E từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Bùi T từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn R từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê, không có thu nhập ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc Lê Bùi T khai nhận số lượng ma túy mua của một người T niên tên Đen, không biết rõ họ tên và địa chỉ, tại thành phố N với giá 1.400.000 đồng. Qua xác minh không rõ đối tượng, chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý.

Đối với địa điểm tổ chức sử dụng ma túy tại quán Karaoke Ba Cọp New. Qua điều tra, mặc dù người đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh là ông Nguyễn M nhưng chủ cơ sở kinh doanh là ông Bùi Sơn L, ông L thuê Lê Bùi T quản lý quán, việc T cung cấp ma túy cho các đối tượng sử dụng ma túy tại quán, ông L không biết nên có căn cứ không xem xét xử lý với vai trò đồng phạm cùng Lê Bùi T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an thành phố N xử lý hành chính đối với hộ kinh doanh của ông Bùi Sơn L nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với các đối tượng Trần T S và Huỳnh Thị A sử dụng ma túy trong phòng Vip 3. Qua điều tra thể hiện S và Yến là người sử dụng ma túy, không bàn bạc, rủ rê, giúp sức đến hành vi tổ chức sử dụng ma túy của các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R, nhưng do S và Yến sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã đề nghị Công an thành phố N xử lý hành chính đối với Trần T S và Huỳnh Thị A nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Một túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số 2005283 được dán giấy niêm phong lại, ghi "Niêm phong số 548, ngày 19/5/2023, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp và chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Văn Thắng Em, Lê Minh Vương,

Nguyễn Văn Sóc, Lê Bùi T, Lê Thị E, Trần T S, Nguyễn R, Hoàng Q, Phạm W và in hai dấu vân tay màu đỏ ghi họ tên Huỳnh Thị A; 01 (một) dĩa bằng sành màu trắng- xanh; 01 (một) thẻ in hình nhân vật hoạt hình Peppa Pig, Vip số 00448843; 01 (một) quẹt ga màu xanh; 02 (hai) đầu lộc thuốc lá.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động; tiền Việt Nam 201.000 đồng;

- Trả lại cho: Hoàng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 17.050.000 đồng; Phạm W 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (mặt sau của điện thoại đã bị bể kính), có ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 12.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Luật sư Ngô Quang Thế xác định hành vi của bị cáo Lê Thị E đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách Rệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách Rệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện, cụ thể: Vào khoảng 2 giờ 30 ngày 19/5/2023, tại quán Karaoke Ba Cọp New thuộc khóm 5, phường B, thành phố N, các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra về ma tuý Công an thành phố N phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều gra đã thu giữ 01 đĩa bằng sàng, màu trắng - xanh, trên đĩa còn chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma tuý), các vật và các tài sản khác.

Tại bản kết luận giám định số: 552/KL-KTHS, ngày 22/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: Tinh thể rắn chứa trong mảnh giấy màu trắng được gói lại bằng sợi dây thun màu vàng, được niêm phong ký hiệu PS3, mã số 2005283 nêu trên gửi giám định là chất ma túy có khối lượng 0,048 gam loại Ketamine.

Các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R thừa nhận khối lượng ma tuý khi bắt quả tang là của các bị cáo vừa tổ chức sử dụng xong còn lại. Việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý do bị cáo Q khởi xướng và đưa tiền mua ma tuý sử dụng; bị cáo E, W là người kích động về mặt tinh thần và đồng thời bị cáo E cũng là người trực tiếp nhận tiền từ bị cáo Q để đưa lại cho bị cáo T liên hệ mua ma tuý; bị cáo T đã trực tiếp liên lạc mua ma tuý đem về để các bị cáo còn lại sử dụng, bị cáo R là người giúp sức tích cực phân chia ma túy cùng với các bị cáo khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

b) Đối với 02 người trở lên;…”

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Như chúng ta đã biết, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội rất nặng nề, nó đang làm hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, xói mòn sự tồn tại và phát triển của loài người, tàn phá cuộc sống yên vui gia đình của người sử dụng, gây tác hại trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, nguyên nhân phát sinh tội phạm, các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Hiện nay, tình trạng tàng trữ ma túy để tổ chức sử dụng và mua bán trái phép trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố N nói riêng xảy ra ngày càng Rều với tính chất hết sức phức tạp. Nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án, nhưng do muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách Rệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách Rệm hình sự:

Cả 05 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách Rệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện. Riêng bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Lê Thị E và Lê Bùi T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách Rệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (các bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng, bị cáo Nguyễn Hoàng Q có ông ngoại và ông bà cố ngoại là người có công cách mạng được tặng thưởng Huy chương, Huân chương kháng chiến chống Mỹ; bị cáo Lê Thị E có ông nội là Liệt sỹ; bị cáo Lê Bùi T có ông ngoại là thương binh), Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

- Về tình tiết tăng nặng trách Rệm hình sự: Cả 05 bị cáo đều không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách Rệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[6] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện với dạng đồng phạm, nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội từng bị cáo gây ra để quyết định hình phạt cho tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Q khởi xướng và đưa tiền để mua ma tuý tổ chức sử dụng; bị cáo Lê Thị E, Phạm W là người kích động về mặt tinh thần và bị cáo E là người trực tiếp nhận tiền từ bị cáo Q để đưa lại cho bị cáo T liên hệ mua ma tuý. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội nên phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Lê Bùi T là người trực tiếp liên lạc mua ma tuý đem về để các bị cáo còn lại sử dụng chung và bị cáo Nguyễn R là người giúp sức tích cực cùng với các bị cáo khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Hành vi phạm tội của các bị cáo cũng không kém phần nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[7] Đối với việc Lê Bùi T khai nhận số lượng ma túy mua của một người T niên tên Đen, không biết rõ họ tên và địa chỉ, tại thành phố N với giá 1.400.000 đồng. Qua xác minh không rõ đối tượng, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[8] Đối với địa điểm tổ chức sử dụng ma túy tại quán Karaoke Ba Cọp New. Qua điều tra, mặc dù người đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh là ông Nguyễn M nhưng chủ cơ sở kinh doanh là ông Bùi Sơn L, ông L thuê Lê Bùi T quản lý quán, việc T cung cấp ma túy cho các đối tượng sử dụng ma túy tại quán, L không biết nên có căn cứ không xem xét xử lý với vai trò đồng phạm cùng Lê Bùi T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và

hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Cơ quan điều tra đã đề nghị Công an thành phố N xử lý hành chính đối với hộ kinh doanh của ông Bùi Sơn L nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Đối với các đối tượng Trần T S và Huỳnh Thị A sử dụng ma túy trong phòng Vip 3. Qua điều tra thể hiện S và Yến là người sử dụng ma túy, không bàn bạc, rủ rê, giúp sức đến hành vi tổ chức sử dụng ma túy của các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R nên không có căn cứ xử lý S và Yến với vai trò đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", nhưng do S và Yến sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã đề nghị Công an thành phố N xử lý hành chính đối với Trần T S và Huỳnh Thị A do đó Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[10] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Lê Bùi T và liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám và 17.050.000 đồng của bị cáo Hoàng Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (mặt sau của điện thoại đã bị bể kính), có ốp lưng màu xanh và 12.500.000 đồng của bị cáo Phạm W. Đây là tài sản hợp pháp và thuộc quyền sở hữu của Q và W không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Q và bị cáo W là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) dĩa bằng sành màu trắng - xanh; 01 (một) thẻ in hình nhân vật hoạt hình Peppa Pig, Vip số 00448843; 01 (một) quẹt ga màu xanh; 01 (một) tờ Tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng được quấn tròn, 02 đầu được gắn đầu lộc thuốc lá; 01 (một) tờ Tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng. Đây là vật chứng liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ và nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Lê Thị E, Nguyễn R phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Nhưng do bị cáo Lê Thị E thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Hoàng Q 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ: Ngày 19/5/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm W phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Phạm W 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ: Ngày 19/5/2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị E phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Thị E 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ: Ngày 19/5/2023.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Bùi T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Bùi T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ: Ngày 19/5/2023.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn R phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn R 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ: Ngày 19/5/2023.

6. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Một túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số 2005283 được dán giấy niêm phong lại, ghi "Niêm phong số 548, ngày 19/5/2023, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của "Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp" và chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Văn Thắng Em, Lê Minh Vương, Nguyễn Văn Sóc, Lê Bùi T, Lê Thị E, Trần T S, Nguyễn R, Hoàng Q, Phạm W và in hai dấu văn tay màu đỏ ghi họ tên Huỳnh Thị A; 01 (một) dĩa bằng sành màu trắng- xanh; 01 (một) thẻ in hình nhân vật hoạt hình Peppa Pig, Vip số 00448843; 01 (một) quẹt ga màu xanh; 02 (hai) đầu lộc thuốc lá.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động; tiền Việt Nam 201.000 đồng;

Trả lại cho: Hoàng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 17.050.000 đồng; Phạm W 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (mặt sau của điện thoại đã bị bể kính), có ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 12.500.000 đồng.

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N đang quản lý, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023).

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Q, Phạm W, Lê Bùi T, Nguyễn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị E được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. N;
- Nhà tạm giữ Công an TP. N;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. N;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống